

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2014

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.821.158.371.186	1.961.147.830.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		70.806.538.907	31.551.324.226
1. Tiền	111	V.01	54.008.403.107	31.551.324.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.798.135.800	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.804.359.300	205.406.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.152.934.615	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(348.575.315)	(136.843.900)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		579.824.460.997	700.835.054.943
1. Phải thu khách hàng	131		388.007.106.881	508.633.300.838
2. Trả trước cho người bán	132		147.810.787.219	133.619.733.825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	49.837.227.054	64.412.680.437
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.830.660.157)	(5.830.660.157)
IV. Hàng tồn kho	140		1.094.831.721.750	1.192.932.434.009
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.181.473.273.618	1.279.573.985.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(86.641.551.868)	(86.641.551.868)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.891.290.232	35.623.611.409
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.076.385	293.523.827
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.253.821.598	4.584.336.906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		67.447.392.249	30.745.750.676
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		871.880.966.223	822.662.023.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		348.696.612.071	312.891.060.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	48.513.043.700	55.636.452.265
- Nguyên giá	222		147.414.359.828	160.734.362.267
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(98.901.316.128)	(105.097.910.002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	300.183.568.371	257.254.607.781
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		522.553.104.054	509.227.330.162
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		502.862.509.887	491.982.566.995
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	62.317.824.939	62.317.824.939
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(42.627.230.772)	(45.073.061.772)
V. Tài sản dài hạn khác	260		631.250.098	543.633.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	600.317.516	512.701.152
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	28.932.582	28.932.582
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.000.000	2.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.693.039.337.409	2.783.809.854.629

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.132.602.644.227	2.251.609.528.640
I. Nợ ngắn hạn	310		1.290.114.676.740	1.602.539.757.221
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	244.214.387.013	523.935.643.368
2. Phải trả cho người bán	312		174.717.361.916	290.008.532.777
3. Người mua trả tiền trước	313		570.073.277.787	485.587.954.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	10.560.366.055	17.235.888.429
5. Phải trả người lao động	315		4.557.467.134	15.062.978.905
6. Chi phí phải trả	316	V.17	51.824.572.695	84.333.363.741
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	222.030.327.607	173.812.258.968
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.136.916.533	12.563.136.533
II. Nợ dài hạn	330		842.487.967.487	649.069.771.419
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	825.374.661.545	638.544.165.892
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		17.113.305.942	10.525.605.527
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		556.113.711.131	527.892.616.123
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	556.043.076.992	527.811.244.512
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		169.300.618.000	169.300.618.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			

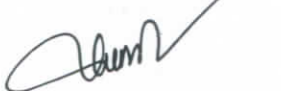
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.847.338.071	22.847.338.071
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.969.920.684	5.969.920.684
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(143.748.401.250)	(171.980.233.730)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		70.634.139	81.371.611
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	V.23	70.634.139	81.371.611
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			4.322.982.051	4.307.709.866
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.693.039.337.409	2.783.809.854.629

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.017.354.182	1.017.354.182
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.933,97	1.933,97
- EUR		371,82	371,82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	269.263.159.268	223.192.950.045	416.208.355.325	503.185.153.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	269.263.159.268	223.192.950.045	416.208.355.325	503.185.153.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	241.515.745.796	221.058.256.987	387.048.338.035	499.502.449.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.747.413.472	2.134.693.058	29.160.017.290	3.682.703.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.860.093.908	8.564.956.609	5.192.494.844	22.890.781.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	16.857.972.186	8.035.919.126	12.095.792.701	22.112.403.723
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.020.937.160	7.835.702.363	14.304.734.868	21.735.742.380
8. Chi phí bán hàng	24		901.246.531	195.412.460	941.639.839	476.436.021
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.946.862.673	638.840.206	3.689.898.460	2.022.109.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.901.425.990	1.829.477.875	17.625.181.134	1.962.536.389
11. Thu nhập khác	31		6.270.173.086	2.499.090.907	7.830.201.335	3.288.295.453
12. Chi phí khác	32		4.745.843.897	788.327.466	5.754.656.292	1.193.853.466
13. Lợi nhuận khác	40		1.524.329.189	1.710.763.441	2.075.545.043	2.094.441.987
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	45		10.879.942.892	(2.277.091.000)	10.879.942.892	(2.277.091.000)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.305.698.071	1.263.150.316	30.580.669.069	1.779.887.376
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	2.313.086.889	900.942.378	2.333.565.003	1.009.224.693
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	1.231.951	-	2.463.902
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.992.611.182	360.975.987	28.247.104.066	768.198.781
18.1. LN sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.011.164	3.919.052	15.271.586	4.853.389
18.2. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		22.984.600.018	357.056.935	28.231.832.480	763.345.392
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		442	7	542	15

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯỖY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.580.669.069	1.779.887.376
2. Điều chỉnh cho các khoản			(13.492.150.761)	21.458.061.189
- Khấu hao TSCĐ	02		2.785.720.528	4.953.234.852
- Các khoản dự phòng	03		(2.234.099.585)	196.373.613
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.348.506.572)	(5.427.289.656)
- Chi phí lãi vay	06		14.304.734.868	21.735.742.380
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.088.518.308	23.237.948.565
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		159.065.323.415	37.247.890.436
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		105.093.032.645	(72.271.695.852)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(101.788.663.812)	23.087.192.755
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		15.831.078	1.513.985.933
- Tiền lãi vay đã trả	13		(51.833.982.271)	(46.919.447.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.508.961.418)	(847.753.377)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.640.352.195	1.520.231.760
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.766.622.195)	(423.993.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.004.827.945	(33.855.641.198)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(11.068.081.454)	(13.741.375.503)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		29.747.616.723	2.765.697.453
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			47.057.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(15.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.594.249.577	10.840.877.669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.273.784.846	31.922.699.619
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		244.667.420.627	584.993.634.866
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(348.690.818.737)	(619.451.487.286)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(296.187.334)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(104.023.398.110)	(34.754.799.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		39.255.214.681	(36.687.741.333)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.551.324.226	67.884.659.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	31	70.806.538.907	31.196.918.608

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

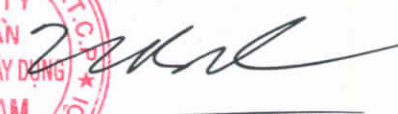
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Phá dỡ;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220KV; lắp đặt hệ thống xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn hàng gốm sứ thủy tinh; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
 - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
 - Sàn giao dịch bất động sản;
 - Định giá bất động sản;
 - Môi giới bất động sản;
 - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
 - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
 - Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng KCN, khu nhà cao tầng;
 - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
 - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, thân đập công trình thủy lợi, thủy điện;
 - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
 - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản;
 - Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
 - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
 - Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
 - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h;

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5. Công ty con, Công ty liên kết

5.1 Danh sách Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 30/06/2014	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 30/06/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 214, đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La	98,56 %	97,5 %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO	Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	100 %	89 %
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	99,1 %	80 %
Công ty Cổ phần Khoáng sản MECO	Thôn Đồng Lát, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	91,77 %	75 %
Công ty CP Bất động sản MECO	Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	90 %	90 %

5.2 Danh sách Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày 30/06/2014	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 30/06/2014
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn	Xã An Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	50 %	50 %
Công ty CP Cơ điện và xây dựng Hòa Bình	Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	32,49 %	46 %
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi ME CO Sài Gòn	205 Nguyễn Xí, phường 26 Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	28,05 %	28,05 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được trích lập vào thời điểm cuối năm tài chính.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2012: 20.815 VND/USD.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và giá vốn

Doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng: doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Giá vốn

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

		Đơn vị tính: VNĐ		
		Cuối kỳ	Đầu năm	
1- Tiền và các khoản tương đương tiền				
- Tiền mặt		6.985.589.722	2.158.007.834	
- Tiền gửi ngân hàng		47.022.813.385	29.393.316.392	
- Tiền đang chuyển				
- Các khoản tương đương tiền		16.798.135.800		
Cộng		70.806.538.907	31.551.324.226	
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:				
	Cuối kỳ	Đầu năm		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.152.934.615		342.250.000
+ <i>Cổ phiếu Công ty CP nhiệt điện Phả Lại</i>	<i>15.000</i>	<i>395.884.615</i>		
+ <i>Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành</i>	<i>126.000</i>	<i>1.414.800.000</i>		
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội</i>	<i>29.769</i>	<i>342.250.000</i>	<i>29.769</i>	<i>342.250.000</i>
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(348.575.315)		(136.843.900)
Cộng		1.804.359.300		205.406.100
3- Các khoản phải thu ngắn hạn				
- Phải thu khác		Cuối kỳ	Đầu năm	
		49.837.227.054	64.412.680.437	
Cộng		49.837.227.054	64.412.680.437	
4- Hàng tồn kho				
		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Hàng mua đang đi trên đường			3.395.400	
- Nguyên liệu, vật liệu		32.779.624.788	36.216.076.088	
- Công cụ, dụng cụ		88.858.818	84.858.818	
- Chi phí SX, KD dở dang		1.066.871.967.264	1.164.545.130.960	
- Thành phẩm		94.598.520	94.598.520	
- Hàng hóa		81.519.704.933	78.511.406.796	
- Hàng gửi đi bán		118.519.295	118.519.295	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		1.181.473.273.618	1.279.573.985.877	
5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Thuế GTGT còn được khấu trừ		6.253.821.598	4.584.336.906	
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước				
+ <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				
+ <i>Thuế GTGT</i>				
Cộng		6.253.821.598	4.584.336.906	
6- Phải thu dài hạn nội bộ				
		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Cho vay dài hạn nội bộ				
- Phải thu dài hạn nội bộ khác				
Cộng				
7. Phải thu dài hạn khác				
		Cuối kỳ	Đầu năm	
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		2.000.000	2.000.000	
- Các khoản tiền nhận ủy thác				
- Cho vay không có lãi				
- Phải thu dài hạn khác				
Cộng		2.000.000	2.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	24.444.607.430	104.482.915.203	31.452.441.667	354.397.967		160.734.362.267
- Mua trong kỳ				43.636.364		43.636.364
- Chuyển từ tài sản thuê TC						
- Phân loại lại						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(11.659.650.342)	(1.703.988.461)			(13.363.638.803)
- Giảm khác						
30/06/2014	24.444.607.430	92.823.264.861	29.748.453.206	398.034.331		147.414.359.828
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	5.917.467.452	76.722.754.590	22.103.289.993	354.397.967		105.097.910.002
- Khấu hao trong kỳ	648.177.292	1.715.869.072	432.411.637			2.796.458.001
- Chuyển từ tài sản thuê TC						
- Phân loại lại		3.090.900	(3.090.900)			
- Thanh lý, nhượng bán		(7.892.539.289)	(1.100.512.586)			(8.993.051.875)
- Giảm khác						
30/06/2014	6.565.644.744	70.549.175.273	21.432.098.144	354.397.967		98.901.316.128
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	18.527.139.978	27.760.160.613	9.349.151.674			55.636.452.265
- 30/06/2014	17.878.962.686	22.274.089.588	8.316.355.062	43.636.364		48.513.043.700

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
30/06/2014						
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Khấu hao trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
30/06/2014						
Giá trị còn lại TSCĐ TTC						
- Tại ngày đầu năm						
- 30/06/2014						

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Phần mềm Website	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Mua trong kỳ						-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<i>30/06/2014</i>		-		-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>						-
- Khấu hao trong kỳ						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
<i>30/06/2014</i>		-		-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu năm				-	-	-
- 30/06/2014		-		-	-	-

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí XDCB dở dang

Trong đó: Những công trình lớn:

Mua sắm TSCĐ

Dự án thủy điện Khánh Khê

Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Dự án Suối Choang - Nghệ An

Dự án thủy điện Nậm Hoá

Dự án mỏ đá Hòa Bình

Cuối kỳ	Đầu năm
300.183.568.371	257.254.607.781

2.365.502.153 2.132.320.335

14.578.756.112 14.441.574.700

16.698.443.409 16.410.078.227

107.304.540 107.304.540

22.326.781.214 22.329.350.419

237.804.474.974 195.599.979.941

6.302.305.969 6.233.999.619

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

13- Đầu tư dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
a. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	27.500.000	315.496.916.419	27.500.000	304.406.611.527
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn	420.724	2.313.982.000	420.724	2.524.344.000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	224.147	2.003.528.515	224.147	2.003.528.515
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		8.048.082.953		8.048.082.953
+ BQL DA KĐT mới phía đông huyện Văn Giang		175.000.000.000		175.000.000.000
Cộng		502.862.509.887		491.982.566.995
b. Đầu tư dài hạn khác	Số lượng	Cuối kỳ Giá trị	Số lượng	Đầu năm Giá trị
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Đầu tư dài hạn khác		62.317.824.939		62.317.824.939
Cộng		62.317.824.939		62.317.824.939
14- Chi phí trả trước dài hạn		Cuối kỳ		Đầu năm
- Chi phí di dời TSCĐ		533.178.983		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ		5.337.500		5.337.500
- Công cụ dụng cụ		992.523		507.363.652
- Chi phí thuê xe		60.808.510		
Cộng		600.317.516		512.701.152
15- Vay và nợ ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm
- Vay ngắn hạn		228.300.056.576		511.317.143.368
- Nợ dài hạn đến hạn trả		15.914.330.437		12.618.500.000
Cộng		244.214.387.013		523.935.643.368
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		Cuối kỳ		Đầu năm
- Thuế GTGT		6.139.669.458		9.628.200.764
- Thuế TNDN		1.698.350.953		4.847.850.471
- Thuế TNCN		91.462.581		132.454.131
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		153.303.911		153.303.911
- Các loại thuế khác		2.477.579.152		2.474.079.152
Cộng		10.560.366.055		17.235.888.429
17- Chi phí phải trả		Cuối kỳ		Đầu năm
- Chi phí phải trả		51.824.572.695		84.333.363.741
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm				
Cộng		51.824.572.695		84.333.363.741
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Cuối kỳ		Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết				
- Bảo hiểm xã hội		1.450.281.693		1.649.337.028
- Bảo hiểm thất nghiệp		279.389.939		235.112.765
- Kinh phí công đoàn		842.497.558		1.010.905.318
- Phải trả về cổ phần hoá		252.180.000		252.180.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn				
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		219.205.978.417		170.664.723.857
Cộng		222.030.327.607		173.812.258.968

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**19- Phải trả dài hạn nội bộ**

- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn
- Vay dài hạn nội bộ
- Phải trả dài hạn nội bộ khác

Cộng**Cuối kỳ****Đầu năm****20- Vay và nợ dài hạn****a- Vay dài hạn**

- Vay ngân hàng
- Vay đối tượng khác
- Trái phiếu phát hành

Cộng

815.124.661.545 616.244.165.892

10.250.000.000 22.300.000.000

b- Nợ dài hạn

- Thuê tài chính
- Nợ dài hạn khác

825.374.661.545 638.544.165.892

* Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi: 10.250.000.000 VNĐ

* Thời hạn thanh toán trái phiếu:

- Các khoản nợ thuê tài chính

	30/06/2014			Năm trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm				455.413.242	40.951.908	414.461.334
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Cuối kỳ**Đầu năm**

28.932.582

28.932.582

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

28.932.582

28.932.582

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Cuối kỳ****Đầu năm**

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**22- Vốn chủ sở hữu**

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	169.300.618.000		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684		4.938.473.543	704.729.951.785
- Lãi trong năm trước								(176.532.110.564)	(176.532.110.564)
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty liên kết								(386.596.709)	(386.596.709)
Số dư cuối năm trước -									
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	169.300.618.000		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684		(171.980.233.730)	527.811.244.512
- Lãi trong kỳ								28.231.832.480	28.231.832.480
- Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty con và Công ty liên kết									
Số dư 30/06/2014	575.100.000.000	169.300.618.000		(73.426.398.513)	22.847.338.071	5.969.920.684		(143.748.401.250)	556.043.076.992

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thặng dư vốn cổ phần

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	575.100.000.000	575.100.000.000
	169.300.618.000	169.300.618.000
	744.400.618.000	744.400.618.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

5.460.000 CP

c- Các giao dịch về vốn đối với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	575.100.000.000	575.100.000.000
	575.100.000.000	575.100.000.000

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

đ- Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

	Cuối kỳ	Đầu năm
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000
	5.460.000	5.460.000
	5.460.000	5.460.000
	52.050.000	52.050.000
	52.050.000	52.050.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000đ/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất*e- Quỹ khác của doanh nghiệp*

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	22.847.338.071	22.847.338.071
- Quỹ dự phòng tài chính	5.969.920.684	5.969.920.684
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	28.817.258.755	28.817.258.755

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán khác

23- Nguồn kinh phí

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	70.634.139	81.371.611

24- Tài sản thuê ngoài

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	----------------	----------------

1- Giá trị tài sản thuê ngoài

- TSCĐ thuê ngoài
- Tài sản khác thuê ngoài

2- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn

- Đến 1 năm
- Trên 1-5 năm
- Trên 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Q2/2014	Q2/2013
25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	269.263.159.268	223.192.950.045
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	54.469.482.645	202.576.652.171
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	977.032.519	3.485.697.033
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	181.560.573.476	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	32.256.070.628	17.130.600.841
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	32.256.070.628	17.130.600.841
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
	Q2/2014	Q2/2013
26- Cốc khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		
+ Thuế xuất khẩu		
	Q2/2014	Q2/2013
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	269.263.159.268	223.192.950.045
Trong đó: + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	54.469.482.645	202.576.652.171
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	977.032.519	3.485.697.033
+ Doanh thu thuần kinh doanh BĐS	181.560.573.476	
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	32.256.070.628	17.130.600.841
	Q2/2014	Q2/2013
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	54.238.722.575	202.812.236.410
- Giá vốn xây dựng	30.776.195.808	16.533.072.228
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	358.734.224	1.712.948.349
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	156.142.093.189	
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	241.515.745.796	221.058.256.987
29- Doanh thu hoạt động tài chính	Q2/2014	Q2/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	749.811.897	87.972.710
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		78.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.002.007.000	
- Lãi kinh doanh chứng khoán		496.747.668
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm	3.108.275.011	7.901.386.231
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	4.860.093.908	8.564.956.609
30- Chi phí tài chính	Q2/2014	Q2/2013
- Lãi tiền vay	13.020.937.160	7.835.702.363
- Chi phí giao dịch chứng khoán	12.291.426	3.843.150
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.824.743.600	196.373.613
Cộng	16.857.972.186	8.035.919.126

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Q2/2014	Q2/2013
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.305.698.071	1.263.150.316
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.411.324.087	
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	25.305.698.071	1.263.150.316
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(188.015.877.906)	2.340.619.197
+ Các khoản điều chỉnh tăng	75.100.000	2.345.547.000
- Phần lãi lỗ trong công ty liên kết		2.277.091.000
- Phạt vi phạm hành chính	3.500.000	
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	71.600.000	68.456.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(187.164.070.906)	(4.927.803)
- Phần lãi lỗ trong công ty liên kết	(10.879.942.892)	
- Lợi nhuận đã thực hiện của phần khấu hao TSCĐ Công ty con nhận góp vốn		(4.927.803)
- Cổ tức được nhận	(1.002.007.000)	
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(175.282.121.014)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	(162.710.179.835)	3.603.769.513
- Thu nhập chịu thuế tại công ty con	102.707.229	52.254.027
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(162.812.887.064)	3.551.515.486
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.411.324.087	
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(173.224.211.151)	3.603.769.513
- Thuế suất	22%	25%
- Thuế phải nộp tại công ty con	22.595.590	13.063.507
- Thuế phải nộp tại công ty mẹ	2.290.491.299	887.878.871
- Thuế TNDN phải nộp	2.313.086.889	900.942.378

32. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 52)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Kỳ này	Kỳ trước
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền		
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Phân giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q2/2014	Q2/2013
Tiền lương	243.433.400	292.619.701
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	28.485.270	17.351.145
Cộng	271.918.670	309.970.846

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch
HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn

Phải thu về khối lượng thi công

Kỳ này

7.560.529.207

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền lãi vay và các khoản khác
Phải trả về khối lượng thi công

49.858.403

11.466.304.332

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Thủy điện Văn Chấn

Phải thu về tiền khối lượng thi công

Số cuối kỳ

Số đầu năm

6.172.716.633

4.199.870.176

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng
Ứng trước tiền thi công
Phải thu khác

3.109.941.746

3.109.941.746

7.866.271.188

571.567.870

475.162.640

Cộng nợ phải thu

9.854.226.249

15.651.245.750

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả các khoản khác
Phải trả tiền thi công

9.900.149

211.800.149

3.520.201.496

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Công ty CP Cơ khí Văn Lâm**

Phải trả tiền thi công

2.504.454.349

2.982.790.772

Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Phải trả tiền thi công

15.857.831.169

18.801.645.198

Cộng nợ phải trả

18.372.185.667

25.516.437.615

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Khác	Cộng
Năm nay					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.256.070.628	54.469.482.645	181.560.573.476	977.032.519	269.263.159.268
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa bộ phận					
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.256.070.628	54.469.482.645	181.560.573.476	977.032.519	269.263.159.268
Chi phí bộ phận	30.776.195.808	55.139.969.106	156.142.093.189	2.305.596.897	244.363.855.000
KQKD theo bộ phận	1.479.874.820	(670.486.461)	25.418.480.287	(1.328.564.378)	24.899.304.268
CP không phân bổ theo bộ phận					24.899.304.268
Lợi nhuận từ hoạt động KD					4.860.093.908
Doanh thu hoạt động tài chính					16.857.972.186
Chi phí tài chính					6.270.173.086
Thu nhập khác					4.745.843.897
Chi phí khác					
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					10.879.942.892
Chi phí thuế TNDN hiện hành					2.313.086.889
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế TNDN					22.992.611.182
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					42.972.596.954
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					2.796.458.001

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	866.881.083.855	376.409.608.344	1.366.954.955.470	82.793.689.740	2.693.039.337.409
Các TS không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	866.881.083.855	376.409.608.344	1.366.954.955.470	82.793.689.740	2.693.039.337.409
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	689.994.909.311	316.765.058.614	1.112.916.421.039	12.926.255.263	2.132.602.644.227
Nợ phải trả không PB theo BP					
Tổng nợ phải trả	689.994.909.311	316.765.058.614	1.112.916.421.039	12.926.255.263	2.132.602.644.227
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	778.171.404.248	381.568.514.954	1.539.644.803.374	84.425.132.053	2.783.809.854.629
Các TS không phân bổ theo BP					
Tổng tài sản	778.171.404.248	381.568.514.954	1.539.644.803.374	84.425.132.053	2.783.809.854.629
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	574.371.152.397	358.628.726.142	1.293.638.875.918	24.970.774.183	2.251.609.528.640
Nợ phải trả không PB theo BP					
Tổng nợ phải trả	574.371.152.397	358.628.726.142	1.293.638.875.918	24.970.774.183	2.251.609.528.640

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)**6- Thông tin về hoạt động liên tục****7- Những thông tin khác:**

Giải trình biến động kết quả kinh doanh:

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013. Cụ thể lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 22.631 triệu đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu của chênh lệch trên là do:

- Trong quý 2 năm 2014, Công ty ghi nhận một phần doanh thu kinh doanh bất động sản của Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở cao tầng, văn phòng và hạ tầng kỹ thuật trường học tại 102 Trường Chinh, Đống Đa Hà Nội làm lợi nhuận tăng hơn 10 tỷ đồng.

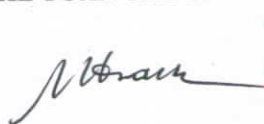
Trong Q2 năm 2014, Công ty hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty CP thủy điện Văn Chấn (công ty liên kết MECO nắm giữ 50% vốn điều lệ) làm lợi nhuận tăng hơn 11 tỷ đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

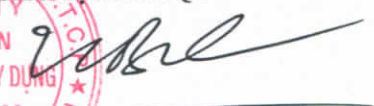


NINH THỊ LUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH